

令和 2 年 6 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	32.1 t	7.92	3.3 cm	19.5 °C	
放流水量	31.8 t	7.86	50.0 cm	19.6 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	285 KWH	3,602 KWH	6.42 t	
日平均使用量	9.2 KWH	116.2 KWH	0.21 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	9台: 5.39t	37台: 54.58t	46台: 27.93t	10台: 29.34t	1台: 2.29t	
前月累計	11台: 6.18t	85台: 125.03t	99台: 58.81t	18台: 49.78t	2台: 4.57t	
年度計	20台: 11.57t	122台: 179.61t	145台: 86.74t	28台: 79.12t	3台: 6.86t	

小計	
月計	103台: 119.53 t
前月累計	215台: 244.37 t
年度計	318台: 363.90 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	0.24 t	103台: 119.77 t
前月累計	0.76 t	215台: 245.13 t
年度計	1.00 t	318台: 364.90 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	26台	299 m ³
前月累計	62台	611 m ³
年度計	88台	910 m ³

項目	日
搬入日数	22
日平均搬入数量	5.43 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	116.83 t	99台	スケール分散剤	20.00 kg
5	128.30 t	116台	凝集剤 パック	100.00 kg
6	119.77 t	103台	凝集助剤 ポリマ	0.80 kg
7	t	台	固形塩素剤	2.00 kg
8	t	台	脱水助剤 104	kg
9	t	台	脱水助剤 94b	kg
10	t	台	アワゼロン	kg
11	t	台	清缶剤	kg
12	t	台	並塩	kg
1	t	台	リン酸	kg
2	t	台	保護マット	枚
3	t	台	汚泥量	2.00 m ³
			脱水ケーキ量	0.24 t
計	364.90 t	318台	脱水機運転時間	3:00 H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	晴	22 °C	26 °C	9 °C
2	晴	16 °C	25 °C	13 °C
3	晴	21 °C	27 °C	12 °C
4	晴	22 °C	25 °C	11 °C
5	晴	22 °C	26 °C	14 °C
6		°C	°C	°C
7		°C	°C	°C
8	曇	15 °C	20 °C	11 °C
9	晴	19 °C	26 °C	12 °C
10	晴	23 °C	27 °C	13 °C
11	曇	21 °C	23 °C	15 °C
12	晴	22 °C	25 °C	14 °C
13		°C	°C	°C
14		°C	°C	°C
15	晴/曇	24 °C	27 °C	13 °C
16	曇	19 °C	21 °C	15 °C
17	曇/晴	14 °C	19 °C	14 °C
18	曇	16 °C	20 °C	13 °C
19	晴/曇	17 °C	20 °C	13 °C
20		°C	°C	°C
21		°C	°C	°C
22	曇	16 °C	18 °C	10 °C
23	晴/曇	18 °C	26 °C	15 °C
24	晴/曇	18 °C	25 °C	14 °C
25	曇/雨	16 °C	19 °C	14 °C
26	曇/雨	18 °C	19 °C	13 °C
27		°C	°C	°C
28		°C	°C	°C
29	雨	17 °C	19 °C	16 °C
30	曇	17 °C	21 °C	13 °C